

Bản án số: **61/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/8/2020

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Tiến

Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số 549/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2019, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm: 1988 (có mặt)

ĐKTT: đường LQK, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Đinh Công D, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường LQK, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L trình bày: Tôi và anh D tự quen biết, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/5/2009. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh D tại đường LQK, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, mỗi lần nhậu về kể chuyện chửi tôi, tôi và gia đình anh D có khuyên can nhiều lần nhưng anh D không sửa đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn; đến tháng 9/2019 anh D uống rượu về rượt đuổi đánh tôi nên tôi về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi làm đơn xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ L xác định có 01 người con chung tên Đinh Chấn Khang, sinh ngày 04/3/2010, hiện con đang sống với anh D; nhưng tôi thường xuyên đến thăm con và đưa con về nhà ngoại chơi. Theo nguyện vọng của con muốn được sống với tôi, nên tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đinh Công D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đinh Công D theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng anh D không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã cơ bản thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày 05/5/2020 đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị L có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về con chung: Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đình Chấn Khang, sinh ngày 04/3/2010; cháu Khang có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 69, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu nuôi con của chị L có cơ sở chấp nhận. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu “Xin ly hôn” với anh Đình Công D. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Đình Công D vẫn vắng mặt không rõ lý do và chị L đồng ý xét xử vắng mặt anh D. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án nhận thấy do vụ án tranh chấp cần có thời gian điều tra, xác minh nên kéo dài thời gian, vi phạm thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D tự quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/5/2009 theo quy định của pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh D không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, mỗi lần nhậu về kiếm chuyện chửi bới chị L, chị L đã khuyên can nhiều lần nhưng anh D không sửa đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi và đến tháng 9/2019 thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn nên vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian chị L, anh D sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy quan hệ hôn

nhân giữa chị L và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Mỹ L xác định có 01 người con chung tên Đinh Chấn Khang, sinh ngày 04/3/2010, hiện con đang sống với anh D. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con và tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày 26/02/2020 của cháu Đinh Chấn Khang có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao người con chung tên Đinh Chấn Khang cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh Đinh Công D không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh D có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn với anh Đinh Công D.

2/ Về con chung: Giao người con chung tên Đinh Chấn Khang, sinh ngày 04/3/2010 cho chị Lê Thị Mỹ L được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đinh Công D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Buộc chị Lê Thị Mỹ L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002002 ngày 02/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẠCH SÔ PHÉP